

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ  
TRANG NGHIÊM, THANH TỊNH, BÌNH ĐẲNG, GIÁC KINH**

*Phúc giảng lần thứ ba: Cô Lưu Tố Vân*

*Thời gian: 06/05/2024*

*Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa*

*Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu*

**Tập 58**

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người. A-di-đà Phật! Hôm nay, tôi nói về cảm ngộ học tập kinh văn phẩm thứ hai mươi bốn.

**Cảm ngộ thứ nhất: Miệng bàn Tịnh nghiệp, lòng luyện trần duyên, cầu sanh Tịnh độ, đợi đến năm lừa.**

Tôi học Phật đã hơn 20 năm, số lượng đồng tu học Phật mà tôi tiếp xúc cũng không ít, trong đó đa số là những người tu học pháp môn Tịnh độ. Tất nhiên, số người tu học các pháp môn khác cũng không ít, ví dụ như tu Thiền, tu Mật, hay tu các tôn giáo khác, như Ki-tô giáo, Thiên Chúa giáo, Hồi giáo v.v.. Vì sao như vậy? Bởi vì tôi luôn làm theo lời dạy của lão pháp sư <sup>thượng</sup> Tịnh <sub>hạ</sub> Không: “tôn giáo thế giới là một nhà”, “pháp môn bình đẳng, không có cao thấp”, chung sống hòa thuận, đối xử bình đẳng, không phân biệt, không chấp trước. Có thể nói rằng, nhân duyên và pháp duyên của tôi đều khá tốt. Từng có người hỏi tôi thế này: “Cô Lưu, vì sao pháp duyên của cô lại tốt như vậy?” Tôi trả lời: “Có lẽ vì tôi khá chân thành, khá hòa đồng chăng?” Không biết với câu trả lời này, người nghe có hài lòng không? Nếu không hài lòng thì cứ xem như tôi đang khoác lác vậy.

Học tập kinh văn phẩm thứ hai mươi bốn, có một câu hỏi cứ mãi văng vẳng bên tai tôi: Vì sao người tu Tịnh độ nhiều, mà người vãng sanh Tịnh độ lại ít? Tôi lục lại ký ức như xem một bộ phim về trải nghiệm tiền người vãng sanh hoặc tham gia trợ niệm trong hơn 20 năm học Phật của mình, tính sơ qua một chút cũng có khoảng mấy chục người, trong đó có hơn 20 người đã vãng sanh Tây Phương. Có lẽ có người sẽ hỏi: “Làm sao cô biết hai mươi mấy người này đã vãng sanh Tây Phương?” Tôi xin thưa thật lòng với mọi người, đây không phải là tôi tưởng tượng suông, mà là có căn cứ. Căn cứ này là do sư phụ ngài đã nói với tôi, đó chính là “biết trước ngày giờ”. Sư phụ bảo tôi rằng, điều kiện tiên quyết để phán đoán một người có vãng sanh Tây Phương hay không là “đầu óc tỉnh táo,

biết trước ngày giờ”. Đây là điều kiện hàng đầu, những thứ khác đều là điều kiện phụ trợ. Tôi nói hơn 20 người này đã vãng sanh Tây Phương là dựa vào đây, họ đều biết trước ngày giờ, hơn nữa, các điều kiện phụ trợ khác cũng đều đầy đủ.

Nếu ngược dòng thời gian về trước, cha ruột, mẹ ruột, cha chồng, mẹ chồng của tôi, bốn người đã lần lượt qua đời trong vòng bốn năm, từ năm 1984 đến năm 1988. Lúc đó tôi vẫn chưa học Phật, không biết niệm Phật để tiến các cụ vãng sanh thế giới Cực Lạc. Mấy ngày nay viết bản thảo bài giảng, bỗng nhiên tôi có một cảm giác rằng, cả bốn vị này đều đã biết trước ngày giờ ra đi. Tôi xin kể lại cảnh tượng trước khi bốn cụ qua đời cho mọi người nghe, nhờ mọi người giúp tôi phán đoán xem có phải các cụ biết trước ngày giờ hay không?

Năm 1984, cha chồng tôi qua đời. Câu nói cuối cùng mà tôi nghe ông nói là: “Bố sắp xong rồi.” Nửa giờ sau, ông ra đi.

Năm 1985, mẹ ruột tôi qua đời. Hơn bảy giờ tối hôm trước khi đi, mẹ nói với tôi và chị gái: “Ngày mai, hai đứa con không còn mẹ nữa rồi.” Bảy giờ sáng hôm sau, mẹ tôi ra đi.

Năm 1986, cha ruột tôi qua đời. Khi đó cha tôi nằm viện, tôi và chị gái thay phiên nhau chăm sóc, chị trực đêm, tôi trực ngày. Tối hôm đó, khi chị đến thay ca, cha nói: “Đêm nay Tiểu Vân cũng ở lại đây đi.” Mười hai giờ đêm, cha bảo chị và tôi thay quần áo cho ông. Tôi hỏi: “Vì sao lại thay quần áo ạ?” Cha nói: “Cứ thu xếp cho gọn gàng trước, để đến lúc ấy khỏi lúng túng.” Thay quần áo xong, cha nằm yên tĩnh, không một chút đau đớn vì bệnh tật, cũng không nói thêm câu nào. 8 giờ 50 phút sáng hôm sau, cha tôi an tường ra đi.

Năm 1988, mẹ chồng tôi qua đời. Ba, bốn giờ sáng ngày bà đi, bà bảo với con trai và tôi: “Hai đứa đừng ngủ, cứ túc trực bên cạnh mẹ.” Tôi và ông nhà tôi túc trực bên cạnh bà, hơn tám giờ sáng, bà ra đi.

Tôi nói những lời trên không phải để cầu chứng xem bốn cụ đã đi về đâu. Điều tôi muốn nói là, nếu bốn cụ già này biết trước ngày giờ ra đi, trong khi họ không học Phật, không niệm Phật, vậy sao họ có thể biết trước ngày giờ? Câu trả lời của tôi là: tâm của họ thanh tịnh, ít tư tâm tạp niệm. Cha chồng và cha ruột của tôi là những đảng viên cộng sản mà tôi vô cùng khâm phục, tôi gọi họ là những đảng viên đảng cộng sản Trung Quốc tiêu chuẩn.

Từ đó tôi nghĩ: bốn cụ già không học Phật, không niệm Phật mà còn có thể biết trước ngày giờ, an tường vãng sanh, vậy mà các đồng tu chúng ta tu học pháp môn Tịnh độ nhiều năm lại không làm được, đến lúc lâm chung lại mê mờ điên

đảo, theo nghiệp lưu chuyển, vì sao như vậy? Họ đã niệm Phật như thế nào? Từ kinh nghiệm của mình, tôi đã tìm ra một nguyên nhân quan trọng, đó chính là: miệng bàn Tịnh nghiệp (là nói suông), lòng luyến trần duyên (thật sự lưu luyến), cầu sanh Tịnh độ (xen tạp giả dối), đợi đến năm lừa (đợi hoài chẳng thấy). Nếu nói cụ thể một chút thì chính là:

*Miệng niệm Di-đà, tâm chẳng có Phật  
Niệm Phật như vậy uổng công thôi  
Chỉ là chính mình gạt chính mình  
Lừa đến bao giờ mới thành Phật?*

Người tin Phật như vậy là tin giả, mà tin giả thì không thể thành Phật được.

Trong pháp môn Tịnh độ niệm Phật, chữ “tín” này đặc biệt quan trọng. Tin Phật là chiếc chìa khóa vàng để thành Phật. Thật tin, bạn mới có thể cầm được chiếc chìa khóa này. Tin giả thì bạn không có được chìa khóa ấy. Không có chìa khóa thì bạn không mở được cánh cửa, không mở được cửa thì không thể đạt được chân đế của pháp môn niệm Phật, chỉ là đạo lý đơn giản như vậy. Thế nào là người niệm Phật giả? Những người “miệng bàn Tịnh nghiệp, lòng luyến trần duyên”, “miệng niệm Di-đà, tâm chẳng có Phật” đã nói ở trên chính là những người tin Phật giả. Tâm của người tin Phật giả là tạp loạn, không thanh tịnh, tâm như vậy sẽ không thể biết trước ngày giờ, tự tại vãng sanh được.

Người niệm Phật chân chính, tâm của họ tịch tĩnh. Khi tâm đạt đến tịch tĩnh thì thật tướng các pháp sẽ hiện tiền, cũng tức là niết-bàn hiện tiền. Cho nên nói, biết trước ngày giờ không phải là chuyện gì thần bí. Người niệm Phật chân chính, tâm thanh tịnh, thì biết trước ngày giờ là chuyện rất tự nhiên. Ngược lại, đó lại là chuyện khác.

Có một huynh đồng tu niệm Phật nhiều năm đã ra đi, có người hỏi tôi: “Huynh ấy niệm Phật giỏi như vậy, sao lại không vãng sanh thế giới Cực Lạc?” Tôi nói với họ: “Duyên trần chưa dứt, nên tiếp tục luân hồi trong lục đạo để dứt trần duyên.” Huynh đồng tu ấy niệm Phật thực sự tốt, có công phu, về cơ bản đã đạt đến trình độ “gió thổi không vào, mưa tuôn chẳng ướt”, nhưng vì không buông bỏ được trần duyên, nên dù niệm Phật giỏi như thế mà đại sự vãng sanh vẫn bị bỏ lỡ.

Một huynh khác, so sánh một cách tương đối thì công phu niệm Phật không bằng vị trước, nhưng vì làm người tốt, buông bỏ trần duyên sạch sẽ, lại thêm vợ hiền con hiếu, tất cả đều là trợ duyên cho việc vãng sanh của anh, nên anh ấy đã

thuận lợi vãng sanh Tây Phương. Hai ngày trước khi anh ấy vãng sanh, tôi có điện thoại cho anh. Anh ấy bảo tôi rằng, anh không còn chút vương bận nào, chỉ đợi A-di-đà Phật đến đón về nhà thôi. Gác máy xong, tôi bảo với Bồ-đề Tâm: “Huynh này thành tựu rồi.”

Các đồng tu tu học pháp môn Tịnh độ niệm Phật, chúng ta đều là người niệm Phật, hai ví dụ tôi nêu trên đều là người thật việc thật xảy ra ngay bên cạnh chúng ta. Mọi người nghe xong có được gợi mở điều gì không, hãy thử đối chiếu với chính mình xem. Nếu bạn cũng là người niệm Phật theo kiểu “miệng niệm Di-đà, lòng luyến trần duyên”, thì muốn thành Phật, thực sự phải đợi đến năm con lừa rồi.

**Cảm ngộ thứ hai: Hồng danh Di-đà, vạn đức thành tựu; tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh độ, một đời thành tựu.**

Trong Di-đà Yếu Giải nói:

Trong tất cả các phương tiện, thẳng tắt nhất, viên đốn nhất, không gì hơn niệm Phật cầu sanh Tịnh độ.

Trong tất cả các pháp môn niệm Phật, đơn giản nhất, vững chãi nhất, không gì hơn tín nguyện trì danh.

Hồng danh của A-di-đà Phật là do vạn đức mà thành tựu. Dùng trì danh để thâm nhiếp toàn bộ vạn đức của Di-đà.

Hai lần trước, khi viết bản thảo phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ, tôi đã lo là những lời này, chỉ lướt qua mà thôi. Lần này viết bản thảo bài giảng, những lời này khiến tôi cảm thấy đặc biệt thân thiết, cảm nhận sâu sắc rằng chư Phật Bồ-tát, cổ thánh tiên hiền, tổ sư đại đức thật là từ bi tột cùng. Chúng sanh thời mạt pháp càng cường khó độ như thế, vậy mà các ngài vẫn không mệt mỏi, chán nản, dùng giáo pháp để chuyển hóa, để cảm hóa họ. Trước mắt tôi hiện ra hình ảnh thế này:

Một người mẹ, tay cầm một cái bánh bao vừa to vừa xốp, nóng hôi hôi mới ra lò đưa đến tận miệng con, đứa trẻ quay đầu đi, không ăn. Người mẹ nhìn con, bắt lực thở dài: “Chao ôi, con ơi, bánh ngon thế này sao con không ăn?”

Một người mẹ dùng sữa mình nuôi con, bà đưa dòng sữa vào miệng con, nhưng đứa trẻ lại dùng lưỡi đẩy ra không chịu bú. Con ơi, trên thế gian này còn gì vĩ đại hơn, chân thành hơn, vô tư hơn tình mẹ! Con ơi, bao giờ con mới hiểu được lòng của mẹ hiền? Con ơi, con ơi, hãy mau khôn lớn.

Bánh bao ngon nhưng đứa trẻ không ăn; sữa mẹ giàu dinh dưỡng nhưng đứa trẻ không bú. Không ăn thì làm sao có chất dinh dưỡng? Điều này làm tôi liên tưởng đến công đức niệm Phật không thể nghĩ bàn; câu nói này đồng tu học Phật chúng ta ai ai cũng biết, người nào cũng nói được, nhưng người thực sự tin tưởng có được mấy ai? Người thực sự niệm Phật có được mấy người? Vì sao tôi lại nói ra những lời này? Nguyên nhân là từ một lần khai thị của lão pháp sư.

Tháng 9 năm 2015, tôi có gửi một bài viết cho lớp học tập “khoa chú kinh Vô Lượng Thọ lần thứ tư”. Tiêu đề là “thật thà niệm Phật không đổi hướng, đời này nhất định đến bờ kia”. Bài viết này đã được lớp học tiếp nhận. Lúc sư phụ ngài nhận xét, mở đầu ngài đã nói mấy câu thế này: “Mọi người chúng ta đã nghe báo cáo ngày hôm nay của Lưu Tố Vân, tôi vô cùng hoan hỷ. Bao nhiêu năm qua, cuối cùng cũng thấy được một người thực sự tin tưởng, thực sự được độ.” Theo lẽ thường, nghe những lời này tôi nên sanh tâm hoan hỷ, vì sao vậy? Vì sư phụ khen ngợi tôi, đây chẳng phải là điều rất nhiều người mong đợi sao? Biết bao người mong mỏi có được sự công nhận của sư phụ.

Có lẽ tôi chính là người bị gọi là “cá biệt” trong những người cá biệt chẳng. Nghe lời nhận xét của sư phụ, tôi không có chút tâm hoan hỷ nào, mà tôi cảm thấy xót xa, đau lòng, thấy bất bình thay cho sư phụ. Tôi cứ cân nhắc mãi sức nặng của hai chữ “cuối cùng” này, dùng tấm lòng chân thành của mình để thấu hiểu tâm tư của một cụ già đã ngoài 80. Hai chữ “cuối cùng” này đã cho tôi thấy được tấm lòng mong chờ từ rất lâu, rất lâu của sư phụ; cho tôi nhìn thấy ánh mắt trông đợi từ rất lâu, rất lâu của sư phụ. Trong ánh mắt của ngài chứa đựng lòng từ bi, mong chờ, song cũng đượm chút bi ai và thất vọng (đây chỉ là tri kiến của một phàm phu). Ngài đang mong chờ điều gì? Ngài đang mong chờ những người niệm Phật chân chính, ngài đang mong chờ những người kế thừa!

Vì sao tôi dám nói ra những lời mà rất nhiều người đều kiêng kỵ này? Tôi là một bà lão đã về hưu thuộc thế hệ “sau 80”, ngày về nhà chẳng còn xa nữa, A-di-đà Phật đã vẫy tay mỉm cười với tôi. Lòng tôi thanh thản, không có gì riêng tư, mọi thứ của tôi đều công khai minh bạch. Tôi không có dã tâm, không có tâm ích kỷ, không có tâm tham, không có vọng tâm, không có tâm tranh đấu; tôi chỉ có một tâm chân thành cầu sanh Tịnh độ. Sư phụ ngài công nhận tôi là người niệm Phật chân chính, tôi dám trực tiếp thừa nhận: tôi là người niệm Phật chân chính.

Người niệm Phật chân chính làm những gì?

Dùng kệ để biểu đạt:

(1)

Danh hiệu Di-đà thật thà niệm  
Vạn đức thành tựu khắc trong tim  
Tín nguyện trì danh cầu Tịnh độ  
Một đời thành tựu trở về nhà.

(2)

Hoàn thiện bản thân, đã nắm chắc  
Kiêm giúp thiên hạ, chớ lãng quên  
Nhớ kỹ mật pháp chúng sanh khổ  
Chút sức mọn này nguyện hiến dâng.

(3)

Xây dựng Lục Hòa đã ba năm  
Thử thách luôn luôn ở trước mắt  
Đội ngũ hộ pháp không đơn giản  
Ba năm đã vượt muôn trùng quan.

(4)

Vứt bỏ tư tâm và tạp niệm  
Trên đường lục hòa dũng cảm bước  
Vô tư, vô úy, trời người kính  
Muôn vàn hiểm trở cứ thản nhiên.

**Cảm ngộ thứ ba: Bốn bí quyết lớn là báu vật, người niệm Phật phải ghi nhớ kỹ.**

Hoàng Niệm lão nói với chúng ta rằng, niệm Phật có bốn bí quyết lớn, bạn có biết điều này không? Trước đây, tôi không biết. Bây giờ, tôi nói cho bạn nghe bốn bí quyết này, bạn có cảm thấy kinh ngạc chút nào không? Bốn bí quyết đó là:

1. Chẳng tham cảnh an tĩnh;
2. Chẳng trừ vọng tưởng;
3. Chẳng tham cứu “người niệm Phật là ai”;
4. Chẳng cầu nhất tâm.

Hoàng Niệm lão nói, cứ theo bốn bí quyết lớn này mà niệm thì ai ai cũng đều làm được. Chỉ cần thật thà trì danh, không ai là không vãng sanh.

Sau khi học tập bốn bí quyết lớn này, tôi có cảm giác gì? Đó là cởi bỏ được một sự ràng buộc vô cùng lớn. Vì sao nói như vậy? Chúng ta khoan hãy nói đến điều thứ ba, bởi vì chúng ta tu pháp môn Tịnh độ niệm Phật nên không tham cứu “người niệm Phật là ai”. Chúng ta hãy bàn về ba điều: chẳng tham cảnh an tĩnh, chẳng trừ vọng tưởng, chẳng cầu nhất tâm. Các đồng tu hãy suy nghĩ kỹ xem, ba điều này có phải chính là thứ mà chúng ta đang khổ công theo đuổi hay sao? Có truy cầu được không? Không được. Cầu cảnh an tĩnh, chẳng cầu được. Tâm không thanh tịnh thì lấy đâu ra cảnh an tĩnh? Cầu tiêu trừ vọng niệm, có tiêu trừ được không? Nếu ai có thể tiêu trừ vọng niệm thì người đó lập tức chính là thánh nhân. Cầu nhất tâm, cầu không được thì sanh phiền não. Nhất tâm từ đâu mà có? Chẳng phải do cầu mà có, mà là theo công phu niệm Phật không ngừng thâm nhập, dần dần đạt đến cảnh giới “niệm mà không niệm, không niệm mà niệm, không niệm mà tự niệm”. Không cần cầu nhất tâm, tự nhiên nhất tâm sẽ hiện tiền. Chúng ta khổ sở cầu bấy nhiêu năm nay, chẳng cầu được món nào. Hiện nay đã có bốn bí quyết niệm Phật này rồi, mọi người còn đi truy cầu những thứ như mộng huyễn bọt bóng kia nữa không? Bốn bí quyết lớn này chẳng có gì bí mật cả, sư phụ ngài đã sớm dạy cho chúng ta rồi, vả lại còn đơn giản hơn thế nữa, chỉ có bốn chữ “thật thà niệm Phật”. Kỳ thực, chỉ có hai chữ “thật thà”, tiếc là chúng ta chưa nghe hiểu.

Lần này, mọi người đã biết phải niệm Phật như thế nào rồi chứ? Hãy ghi nhớ kỹ bốn bí quyết, cứ theo đó mà niệm tới, người nào cũng làm được, không một ai không vãng sanh.

*Bốn bí quyết lớn là báu vật  
Người niệm Phật phải ghi nhớ kỹ  
Cứ theo thế này mà niệm tới  
Vãng sanh Cực Lạc rất vững vàng.*

**Cảm ngộ thứ tư: Người niệm Phật vãng sanh Tịnh độ Cực Lạc là trước khi mạng chung, chứ không phải sau khi mạng chung.**

*Học Phật càng thâm nhập  
Đạo lý càng hiểu rõ  
Ba lần viết bản thảo  
Bóng đèn không ngừng sáng  
Lòng tôi sanh hoan hỷ  
Học Phật thật tốt thay.*

Hôm nay lại sáng thêm một “bóng đèn” nhỏ, đây là một “bóng đèn” liên quan đến chuyện sanh tử. Những năm nay khi đi tiễn người vãng sanh, vấn đề lớn nhất mà tôi gặp phải chính là người sắp vãng sanh lại sợ chết; rất nhiều người chỉ vì sợ chết mà làm dang dở đại sự vãng sanh. Tôi đã từng nghiêm túc suy ngẫm về vấn đề này: Con người vì sao lại sợ chết? Có lẽ không ngoài hai nguyên nhân sau:

Một là tham luyến trần duyên.

Hai là có tâm lý sợ hãi đối với cái chết, khiếp sợ cái chết.

Nếu chúng ta học và hiểu rõ phẩm kinh văn thứ hai mươi bốn này, người niệm Phật chân chính sẽ không còn sợ hãi cái chết nữa. Vì sao vậy? Bởi vì phẩm kinh văn này đã giải quyết cho chúng ta những vấn đề mà chúng ta quan tâm nhất, lo âu nhất, hoặc đang còn nghi hoặc trong lòng. Những vấn đề vốn dĩ không hiểu nay đã hiểu; những vấn đề vốn dĩ không rõ ràng nay đã sáng tỏ, có thể giải tỏa được nỗi lo về sau của người niệm Phật rồi.

Phẩm kinh văn này rốt cuộc đã giải quyết những nỗi lo về sau nào cho người niệm Phật vậy?

*Thứ nhất, giải quyết vấn đề sợ chết của người niệm Phật.*

Giải quyết bằng cách nào? Kinh này đã nói rõ cho chúng ta biết rằng: người niệm Phật vãng sanh Tịnh độ Cực Lạc là trước khi mạng chung, chứ không phải sau khi mạng chung. Câu nói này vô cùng, vô cùng quan trọng. Quan trọng ở chỗ nào? Quan trọng ở chỗ nói cho chúng ta biết rằng: người niệm Phật không có chết. Đã không có cái chết, thì còn gì phải sợ chết nữa?

Trong kinh văn của kinh này nói rằng: “Lúc sắp mạng chung, A-di-đà Phật cùng các thánh chúng hiện ở trước mặt người ấy.”

Bản dịch thời Đường của kinh A-di-đà nói: “Lúc sắp mạng chung, Phật Vô Lượng Thọ cùng với vô lượng đệ tử Thanh văn, các chúng Bồ-tát, vây quanh trước sau, đến ở trước mặt người đó, từ bi gia hộ, khiến tâm chẳng loạn.” Chỗ “từ bi gia hộ, khiến tâm chẳng loạn” này chẳng phải chính là tâm tùy của Tịnh tông đó sao? Chỗ thù thắng, chỗ tuyệt diệu của Tịnh tông chẳng phải cũng chính là đây sao?

Ở đây, tôi muốn đặc biệt nhấn mạnh một cụm từ chung có mặt trong cả hai đoạn kinh văn trên, đó là: “lúc sắp mạng chung”, trong cụm từ này, đặc biệt phải nhấn mạnh trọng điểm vào chữ “sắp.” Cụm từ vô cùng quan trọng này, chữ “sắp”

này cực kỳ quan trọng, hai lần phúc giảng trước đã bị lơ là, chỉ giảng lướt qua. Tại đây, tôi chân thành xin lỗi các đồng tu: xin lỗi mọi người, vì tôi thâm nhập kinh giáo chưa đủ sâu nên mới lơ là điều quan trọng này. Từ nay về sau, tôi sẽ tiếp tục thâm nhập kinh tạng, phục vụ chúng sanh khổ nạn tốt hơn.

Hôm nay, tôi lại sáng thêm một “bóng đèn” nhỏ, chính là nói về chữ “sắp” này. Tôi khẳng định một cách chắc chắn không nghi ngờ rằng: người niệm Phật chân chính không chết, vãng sanh là sống mà ra đi, không phải là sau khi chết. Từ đâu mà nhìn ra vậy? Chính là nhìn từ chữ “sắp” này. Nhớ lúc trước, lão pháp sư từng nói, người niệm Phật đã là vô lượng thọ rồi. Các đồng tu, nếu bạn là một người niệm Phật chân chính, hiện nay bạn đã vô lượng thọ rồi, bạn còn sợ chết cái gì nữa?

*Thứ hai, giải quyết việc nhận thức đúng đắn về việc “xả nhà, lìa dục mà làm sa-môn”, giúp tín chúng thoát khỏi ngộ nhận “vãng sanh bậc thượng nhất định phải là người xuất gia”.*

Trong kinh đã nêu đáp án rõ ràng: vãng sanh bậc thượng, người xuất gia hoặc người tại gia đều có phần. Để mọi người yên tâm hơn, tôi xin nói chuẩn xác hơn một chút: vãng sanh bậc thượng, người tại gia có phần! Lấy gì làm bằng chứng? Trong kinh Vô Lượng Thọ, 16 vị Chánh sĩ nhóm ngài Hiền Hộ đều là người tại gia; phu nhân Vi-đề-hy và 500 cung nữ của bà cũng đều là người tại gia. Họ đều vãng sanh bậc thượng.

Ngay bên cạnh chúng ta cũng có những minh chứng thực tế như: Lưu Tố Thanh, Lưu Minh Hoa, Đồng Thụ Trân, Tề Thụ Kiệt v.v. họ đều là những người tại gia vãng sanh bậc thượng.

*Thứ ba, giải trừ nghi hoặc về việc “phàm phu có phần vãng sanh bậc thượng hay không”.*

Đây là một vấn đề nghiêm túc liên quan mật thiết đến mỗi người niệm Phật chúng ta. Từ xưa đến nay, có nhiều ý kiến khác nhau tồn tại. Ví dụ, có bậc cổ đức nói rằng, vãng sanh bậc thượng là hạnh của Bồ-tát. Thượng phẩm thượng sanh phải là Bồ-tát từ Tứ địa đến Thất địa; thượng phẩm trung sanh phải là Bồ-tát từ Sơ địa đến Tứ địa. Những bậc khác cứ thế suy ra, trung phẩm trung sanh trở xuống mới là mức phàm phu có thể đạt tới. Theo cách nói này, phàm phu không có phần vãng sanh bậc thượng, từ trung phẩm trung sanh trở xuống mới có phần của phàm phu.

Đối với vấn đề này, Hoàng Niệm lão nói như sau: “Việc vãng sanh bậc thượng trong kinh, phàm phu có phần hay không, là một vấn đề lớn của Tịnh tông.” Đây là vấn đề lớn, không phải vấn đề nhỏ. Nó liên quan đến việc Tịnh tông có thực sự thù thắng, thực sự vi diệu, thực sự có thể vượt hơn tất cả để giúp chúng ta thành tựu viên mãn trong một đời hay không. Đối với vấn đề này, chúng ta không thể phớt lờ xem nhẹ.

Chúng ta hãy xem tổ sư đã nói như thế nào.

Đại sư Thiện Đạo nói: “Đài sen chín phẩm nơi Cực Lạc thấy đều là quả vị vãng sanh của phàm phu đời trước.” Đây là đại sư nói rõ cho chúng ta biết: vãng sanh bậc thượng, phàm phu có phần, thấy đều có phần.

Mời các đồng tu nhớ lại một chút, câu đầu tiên mở đầu phẩm kinh văn này là gì? Đó là “chư thiên nhân dân ở mười phương thế giới”. Phía sau còn có hai câu: “nếu có chí tâm nguyện sanh nước kia thì có ba bậc”. Ba câu kinh văn này chẳng phải đã nói rõ rồi sao? Ba bậc vãng sanh được thiết lập cho ai? Là thiết lập cho “chư thiên nhân dân ở mười phương thế giới”. Chư thiên nhân dân, trong đó có phần của chúng ta! Ba bậc trong kinh chỉ nói đến chư thiên nhân dân trong mười phương thế giới, không nói Bồ-tát hay Thanh văn, nên không phải là vì họ mà thiết lập. Thế nhưng, trong kinh có nói “cũng kiêm vì thánh nhân”. Nên biết, ba bậc đó gồm những ai? Trước hết là phàm phu.

Tóm lại, chúng ta có thể rút ra kết luận như sau: đài sen chín phẩm nơi Cực Lạc thấy đều là quả vị vãng sanh của phàm phu đời trước. Vãng sanh bậc thượng, phàm phu có phần. Ba bậc vãng sanh, trước hết là vì phàm phu, sau mới kiêm đến thánh nhân.

Phàm phu một đời công đức viên mãn, vãng sanh thượng thượng phẩm, họ không phải là Bồ-tát đặng địa, như thế mới hiển rõ sự thù thắng của Tịnh tông, sự vượt hơn tất cả của Tịnh tông. Vì sao A-di-đà Phật là “ánh sáng tôn quý nhất, vua trong các Phật”? Vì sao A-di-đà Phật được hết thấy chư Phật mười phương đồng tán thán? Vì sao pháp môn Tịnh độ niệm Phật là “pháp kỳ lạ đặc biệt”? Nó kỳ lạ ở chỗ nào? Đặc biệt ở chỗ nào? Chẳng phải đã quá rõ ràng rồi sao?

*Thứ tư, giải trừ nghi hoặc về việc “vãng sanh bậc hạ, Phật không đến tiếp dẫn”.*

Về việc vãng sanh bậc hạ Phật có đến tiếp dẫn hay không, có nhiều thuyết khác nhau, nhưng có một điểm thống nhất là: vãng sanh bậc hạ, Phật có đến tiếp dẫn.

Xin đưa ra ba cách giải thích để các đồng tu tham khảo:

1. “Đức Phật ấy có bản nguyện tiếp dẫn lúc lâm chung, nếu đối với bậc hạ mà không đến đón rước, tức là trái với bản nguyện.”

2. “Hạ phẩm trong Quán kinh đều là người ác mà Phật còn đến đón. Bậc hạ trong kinh này đều là bậc thiện sĩ, lẽ nào Phật lại không đón.”

3. Trong hai bản dịch thời Hán và thời Ngô, chúng ta thấy bậc thượng và bậc trung “đều mộng thấy Phật trước, sau đó lâm chung thấy Phật”, trong kinh văn đã nói như vậy. Nay nói đến vãng sanh bậc hạ “cũng nên như thế”, cũng phải là như vậy, mộng thấy Phật trước, sau đó mới thấy Phật.

Kết luận của chúng ta là: vãng sanh bậc hạ, Phật có đến tiếp dẫn.

*Thứ năm, làm rõ các điều kiện cần thiết để vãng sanh trong “ba bậc nhất tâm”.*

“Ba bậc nhất tâm” không thuộc về nội dung của “ba bậc vãng sanh”, nó là pháp vãng sanh thứ tư vượt ngoài quy tắc thông thường, nằm ngoài ba bậc vãng sanh. Đây là [khái niệm] “ba bậc nhất tâm” trong khoa phán dành cho kinh này của vị cao tăng vùng Hoa Bắc - lão pháp sư Từ Châu. Đây là sự lưu lộ từ tâm quang của ngài, mang phong cách độc đáo riêng biệt trong Tịnh tông.

“Ba bậc nhất tâm” không phải dành riêng cho người chuyên tu Tịnh độ, mà là dành cho những người tu học các pháp môn Đại thừa khác. Chú ý! Nhất định phải là tu pháp môn Đại thừa, tu pháp môn Tiểu thừa thì không được. Tu học bất kỳ kinh luận hay pháp môn Đại thừa nào, chỉ cần đem công đức tu học đó hồi hướng cầu sanh Tịnh độ, thì cũng đều có thể vãng sanh.

Vậy, “ba bậc nhất tâm” vãng sanh, cụ thể cần những điều kiện gì?

Điều kiện thứ nhất: “trụ nơi Đại thừa”.

“Trụ” nghĩa là tâm an trụ trong Phật pháp Đại thừa, đọc kinh luận Đại thừa, tu pháp môn Đại thừa. Pháp Đại thừa mang lại lợi ích cho khắp hết thầy chúng sanh, thầy đều được rốt ráo thành Phật.

Điều kiện thứ hai: “dùng tâm thanh tịnh, hướng Vô Lượng Thọ”.

Vãng sanh Tịnh độ nhất định phải tu đến tâm thanh tịnh. Thanh tịnh vô cùng quan trọng, không có nhiễm ô, không có tạp cấu, không có hoài nghi. Dùng tâm thuần tịnh hồi hướng về Vô Lượng Thọ, cũng tức là hồi hướng về A-di-đà Phật.

Điều kiện thứ ba: “cho đến mười niệm, nguyện sanh nước kia”.

Những người tu hành này không giống với người chuyên tu Tịnh độ. Người chuyên tu Tịnh độ là nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật, cả chánh hạnh và trợ hạnh đều là niệm A-di-đà Phật. Còn những người tu học Đại thừa thông thường, chánh hạnh của họ có thể không phải là niệm Phật, mà là y theo pháp môn của tông phái mình tu học, xem việc niệm Phật là phụ trợ. Đối với “cho đến mười niệm”, họ có hai cách nói:

Một là, bình thường sau khi làm xong thời khóa thì niệm mười tiếng A-di-đà Phật.

Hai là, đến lúc lâm chung mới hồi hướng cầu sanh Tịnh độ. Mười niệm này chỉ cho việc lúc lâm chung mười niệm hay một niệm đều được vãng sanh. Bởi vì họ có tâm thanh tịnh, nên đầy đủ năng lực này, thật sự phát nguyện cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc thì đều được vãng sanh. Thiên Tịnh song tu, Mật Tịnh song tu, họ đều là kiêm tu pháp môn Tịnh độ.

Điều kiện thứ tư: “cho đến đạt được nhất niệm tịnh tín, phát nhất niệm tâm niệm đức Phật ấy”.

Phát nhất niệm tịnh tâm, niệm A-di-đà Phật đều được vãng sanh. Nếu đã đạt được nhất niệm tịnh tâm, chỉ cần niệm một câu A-di-đà Phật là có thể vãng sanh. Điều này nghe có vẻ đơn giản, nhưng thực tế không phải vậy. Niệm Phật thì dễ, nhưng “nhất niệm tịnh tâm” thì khó phát. Nếu bình thường không tu hành, lâm chung làm sao có thể niệm được mười niệm? Di-đà Yếu Giải nói, nếu không có công phu lúc bình thường thì sẽ không có được mười niệm hay một niệm lúc lâm chung.

*Thứ sáu, các điều kiện cần thiết cho “ba bậc vãng sanh” đã rõ ràng hơn.*

Điều này ở tiết học trước tôi đã giảng rất rõ rồi, ở đây không nhắc lại nữa. Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người. A-di-đà Phật!